

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 8 năm 2024
(V/v ly hôn giữa anh Sùng Mí S
và chị Vàng Thị S)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG VĂN, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng Mí Chớ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Nhiều;

2. Ông Nguyễn Văn Chiêu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vừ Mí S- sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, (có mặt);

Bị đơn: Chị Vàng Thị S, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu và cư trú cuối cùng: Thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (đã bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc Dân sự V/v yêu cầu tuyên bố một người mất tích số: 02/2024/QĐST-VDS ngày 01/3/2024), (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2023 cùng các tài liệu kèm theo đơn và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Vừ Mí S trình bày: Anh và chị Vàng Thị S tự nguyện kết hôn với nhau ngày 29/12/2015 và đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Anh chị sống chung hạnh phúc được khoảng 04 năm. Đến tháng 6 năm 2019 (anh không nhớ rõ ngày) chị S đã tự ý bỏ đi biệt tích đến nay không có thông tin gì và cũng không liên lạc gì với gia đình, anh S đã áp dụng nhiều biện pháp tìm kiếm như báo cho chính quyền địa phương, thông báo cho bạn bè và người thân hai bên nội, ngoại nhưng đến nay không ai có thông tin gì về việc chị S hiện đang làm gì, ở đâu, còn sống hay

đã chết, ngày 14/9/2023 anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Vàng Thị S mất tích. Ngày 01/3/2024 Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra quyết định số 02/2024/QĐST-VDS tuyên bố chị Vàng Thị S mất tích. Nay để ổn định cuộc sống anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với người bị tuyên bố mất tích là chị Vàng Thị S theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh Vừ Mí S và chị Vàng Thị S có 01 con chung là cháu: Vừ Thị Thanh M, sinh ngày 02/01/2017 đã biệt tích cùng chị Vàng Thị S từ tháng 6 năm 2019, hiện nay anh S không biết cháu Thanh M đang ở đâu nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vì nếu muốn anh cũng không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc cháu được. Khi nào có thông tin xác thực về cháu M, anh sẽ đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết sau.

Về tài sản, công nợ chung: Anh Vừ Mí S xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được khối có tài sản chung nào, vợ chồng anh cũng không nợ ai hoặc cho ai nợ tài sản gì. Do vậy, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh S là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho anh theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm, tiến hành khai mạc phiên tòa, giới thiệu thành phần Hội đồng xét xử, phổ biến quyền và nghĩa vụ của đương sự. Thành phần Hội đồng xét xử đúng như đã nêu tại Quyết định đưa vụ án xét xử không có trường hợp nào phải thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho anh Vừ Mí S ly hôn với chị Vàng Thị S; Về con chung: Do cháu Vừ Thị Thanh M, sinh ngày 02/01/2017 đã được chị Vàng Thị S đã đưa đi biệt tích cùng từ tháng 6 năm 2019 đến nay không có tin tức gì, do anh S không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1

Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Vừ Mí S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của anh Vừ Mí S về việc xin ly hôn với chị Vàng Thị S được Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Bị đơn Vàng Thị S đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn. Tuy đã được triệu tập họp lệ nhưng cả hai lần mở phiên tòa, chị Vàng Thị S đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vừ Mí S và chị Vàng Thị S xác lập quan hệ vợ chồng theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 29/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang nên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa anh Vừ Mí S và chị Vàng Thị S là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc tại thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Tuy nhiên, từ tháng 6/2019 chị Vàng Thị S đã bỏ nhà ra đi không rõ nguyên nhân, anh Vừ Mí S và người thân trong gia đình đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm nhưng không xác định được chị S hiện đang ở đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Ngày 01/3/2024 chị Vàng Thị S đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2024/QĐST-VDS. Sau khi thụ lý đơn khởi kiện ly hôn với chị Vàng Thị S, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tiến hành xác minh tại thôn C, xã P và UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, tại các buổi làm việc với Tòa án; Trưởng thôn C, xã P và Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ đều xác định từ khi Tòa án tuyên bố chị Vàng Thị S mất tích đến nay chị S vẫn không trở về địa phương, không có ai có thông tin gì về chị S hiện đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Nay anh Vừ Mí S yêu cầu xin ly hôn chị Vàng Thị S, nên cần xử cho anh S được ly hôn chị S theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Vừ Mí S và chị Vàng Thị S có 01 con chung là cháu Vừ Thị Thanh M, sinh ngày 02/01/2017 đã biệt tích cùng chị S từ tháng 6 năm 2019 đến nay không có tin tức gì. Xét thấy mặc dù có muốn anh S cũng không thể trực tiếp trông nom chăm sóc cháu được, chị Vàng Thị S đã bị Tòa án tuyên bố mất tích cũng không thể giao cháu Mai cho chị S nuôi dưỡng, giáo dục được. Nay anh S không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về cháu Vừ Thị Thanh M nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh Vừ Mí S xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được khối có tài sản chung nào; vợ chồng anh cũng không nợ ai hoặc cho ai nợ tài sản gì, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Vừ Mí S là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh S.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho anh Vừ Mí S ly hôn với chị Vàng Thị S;
2. *Về án phí:* Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Vừ Mí S.
3. *Quyền kháng cáo:* Anh Vừ Mí S có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; chị Vàng Thị S có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được Bản án, hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án, vụ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giàng Mí Chớ

